

KHẢO SÁT CẤU TRÚC VI MÔ MỤC TỪ VỀ DANH TƯỚNG TRONG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TỪ ĐIỂN

NGUYỄN THUY HỒNG*

Abstract: The article introduces some theories about the reference works, structural and microstructural organization, and the treatment of entries on famous generals. It examines the microstructure of some entries on famous generals of the Tran Dynasty in two major works - the *Vietnam Encyclopedic Dictionary* (4 volumes) and the *Literature Dictionary* (new edition). In addition, it examines the micro-structural features of entries concerning related concepts in the *Dictionary of Vietnamese Official Titles*. The findings offer reference data and guidance for selecting, building the table of entries and compiling the *Encyclopedic dictionary of famous generals of the Tran Dynasty*.

Keywords: Reference work, famous generals, microstructure, Tran dynasty, famous generals of Tran dynasty

1. Mở đầu

Khi tiến hành biên soạn *Từ điển bách khoa về các danh tướng triều Trần* (triều đại nhà Trần kéo dài từ năm 1225 - 1400, thời hậu Trần khoảng 1407 - 1417), chúng tôi tiến hành khảo sát một số công trình tra cứu có liên quan đến khái niệm danh tướng như: *Từ điển bách khoa Việt Nam* [5], *Từ điển chức quan Việt Nam* [7] và *Từ điển Văn học (bộ mới)* [4]; cụ thể là nghiên cứu sâu về cấu trúc vi mô của một số mục từ về danh tướng và khái niệm danh tướng triều Trần trong ba bộ từ điển trên. Từ đó đúc kết kinh nghiệm và ứng dụng vào thực tiễn biên soạn công trình *Từ điển bách khoa về các danh tướng triều Trần*.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Về khái niệm công trình từ điển

Có thể khái quát khái niệm công trình từ điển hay công trình tra cứu: là một tập hợp các đơn vị ngôn ngữ, sắp xếp theo thứ tự chữ cái hoặc dưới dạng chủ đề (ở bách khoa toàn thư, không chỉ sắp xếp theo thứ tự chữ cái mà còn là các chủ đề tri thức),... Với chức năng dùng để tra cứu, cung cấp những thông tin, kiến thức cần thiết đến người đọc; từ điển là tên gọi chung của từ điển, từ điển bách khoa, từ điển khái niệm hay bách khoa toàn thư. Mỗi loại từ điển có những đặc điểm khác nhau, cụ thể: 1. Từ điển bách khoa giải thích từ, trình bày và phát triển một số nội dung khoa học hay lịch sử các sự vật, hiện tượng, nhân vật biểu thị bởi các mục từ; 2. Từ điển ngôn ngữ truyền tải các thông tin như bản chất, ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa, cách sử dụng,... các từ; 3. Bách khoa toàn thư tập hợp các tri thức của nhân loại (bách khoa thư tổng hợp), về một lĩnh vực (bách khoa thư chuyên ngành), một địa phương (bách khoa thư địa phương),...

Khái quát này được chúng tôi tổng hợp từ những khái niệm, định nghĩa về từ điển ở một số công trình như: *Từ điển Hán Việt* định nghĩa đơn giản “từ điển là bộ sách để kiểm tra những từ ngữ” [1, tr.333]; *Từ điển tiếng Việt* “là sách tra cứu tập hợp các đơn vị ngôn ngữ” [10, tr.1072]; *Lịch sử - Lý luận và Thực tiễn biên soạn Bách khoa toàn thư* [9, tr.92] nhận định là “loại sách để tra cứu, tìm kiếm những điều cần biết, cần hiểu biểu hiện qua các từ ngữ”, khi nhắc về khái niệm của “từ điển” nói chung, ông cũng khẳng định các loại hình công cụ tra cứu từ điển, từ điển khái niệm, từ điển bách khoa, bách khoa toàn thư thường có tên gọi chung là “từ điển”; *Từ điển bách khoa Việt Nam* cũng có nhiều điểm tương đồng trong các định nghĩa về “từ điển” với các công trình kể trên, nhấn mạnh là “loại sách tra cứu, chứa đựng một tập hợp các đơn vị ngôn ngữ (thường là đơn vị từ vựng), sắp xếp theo một thứ tự để tra, tìm (thường là theo thứ tự chữ cái) cung cấp một số kiến thức cần thiết đối với từng đơn vị (cách phát âm, từ nguyên, từ loại, nghĩa, hình thức đối chiếu sang một ngôn ngữ khác, v.v.)” [5, tập 4, tr.707]. Như vậy, có thể thấy rằng chính những biểu hiện tri thức ở nội dung mục từ với hàm lượng thông tin cần thiết, cần biết, cần hiểu của từng loại hình đã tạo nên sự khác biệt giữa các loại từ điển này.

* Viện Ngôn ngữ học, Email: hongnguyen1296@gmail.com

2.2. Về khái niệm danh tướng

Bất kì một khái niệm khoa học nào cũng cần phải tuân thủ những cách hiểu sau: Thứ nhất, khái niệm gốc (định nghĩa chuẩn với nghĩa gốc); Thứ hai, khái niệm hiểu theo nghĩa mở rộng nội hàm; Thứ ba, khái niệm hiểu theo nghĩa lịch đại và các hàm nghĩa liên quan. Với khái niệm danh tướng, cũng cần hiểu theo ba cấp độ như thế. Ở tầng nghĩa thứ nhất, khái niệm này được hiểu qua nghĩa từ nguyên ở các bộ từ điển đã có. *Hán Việt tự điển* cho rằng danh tướng là tướng giỏi [2, tr. 82]. *Từ điển Hán Việt* định nghĩa danh tướng là ông tể tướng có tiếng giỏi và ông tướng quân có tiếng giỏi [1, tr.197] (chữ “danh” ở đây kết hợp với hai chữ “tướng” khác nhau). *Từ điển tiếng Việt* thì định nghĩa danh tướng là tướng giỏi nổi tiếng [10, tr. 242]. Tra cứu thêm trong *Hán ngữ Đại từ điển*, khái niệm danh tướng được hiểu gồm hai nghĩa: một là, vị tể tướng có danh tiếng và hai là thuật ngữ của Phật giáo (tại có thể nghe gọi là “danh”, mắt có thể thấy gọi là “tướng”); lại có khái niệm danh tướng chỉ vị tướng lĩnh trừu tượng, đồng thời còn thông nghĩa với khái niệm “danh soái” [3, tr. 169-171]. Thứ nhất, nghĩa gốc của danh tướng còn liên thông với danh soái và một thuật ngữ nhà Phật, nghĩa dùng trong bài viết này tạm thời gác lại nghĩa có liên quan tới Phật giáo. Và ở khái niệm gốc danh tướng có thể hiểu chỉ ông Tể tướng và những vị tướng lĩnh, tướng soái nổi danh. Thứ hai, khái niệm mở rộng thì có thể hiểu ngoài nghĩa gốc trên thì danh tướng cũng là những vị tướng giỏi có tài cầm quân, có tài thao lược dù là trực tiếp hay ngồi trong màn trướng bàn bạc, tham mưu, tính kế quân vụ. Thứ ba, ở nghĩa lịch đại, danh tướng được hiểu qua các thời kì khác nhau trong lịch sử (kể cả chính sử và dã sử), với nghĩa hiện đại, có thể hiểu danh tướng cũng là những vị tướng nổi danh, có tài cầm quân, nhưng nhiều khi không phải đóng khung ở cấp hàm từ thiếu tướng trở lên hay cũng không phải chỉ đóng khung trong lực lượng vũ trang và không phân biệt giới tính.

2.3. Về khái niệm cấu trúc vi mô

Trong *Từ điển tiếng Việt*, có các định nghĩa về cấu trúc là: “toàn bộ nói chung những quan hệ bên trong giữa các thành phần cấu tạo nên một chỉnh thể” [10, tr. 128]; “vi” theo nghĩa của yếu tố ghép trước để cấu tạo danh từ thì có nghĩa là “cực nhỏ”, và “vi mô” là: “đối tượng có quy mô nhỏ trong hệ thống, được coi là cấp thấp nhất (nói khái quát)” [10, tr.1112]. Lý Toàn Thắng cũng chỉ rõ trong một nghiên cứu về lí luận và phương pháp biên soạn các loại từ điển ở Việt Nam rằng nếu như cấu trúc vi mô “liên quan đến danh sách chung các từ (bảng từ) được đưa vào từ điển” thì cấu trúc vi mô “liên quan đến từng mục từ cụ thể”, “được hiểu là cấu trúc mục từ, bao gồm toàn bộ những thông tin/tri thức được trình bày trong mục từ đó” [8].

Từ những khái niệm về công trình tra cứu, cấu trúc, cấu trúc vi mô, có thể thấy: “nếu cấu trúc vi mô là “bộ khung” tổng thể của cả công trình “từ điển” hay “bách khoa thư” được biểu hiện bằng hệ thống bảng mục từ thì cấu trúc vi mô là “xương sống”, là cách thức trình bày hệ thống tri thức trong mỗi một/một loại hình mục từ cụ thể” [6, tr.73]. Trong biên soạn từ điển nói chung, cấu trúc vi mô chính là các nội dung thông tin tri thức của từng mục từ, được sắp đặt theo quy định, thể lệ đã đề ra trước khi tiến hành biên soạn.

3. Cấu trúc vi mô của một số mục từ viết về nhân vật là danh tướng trong ba bộ từ điển

3.1. Cấu trúc vi mô của mục từ danh tướng trong *Từ điển bách khoa Việt Nam*

Từ điển bách khoa Việt Nam gồm 4 tập với 36 chuyên ngành: an ninh, chính trị học, dân tộc học, giáo dục học, khảo cổ học, kinh tế học, lịch sử, luật học, ngoại giao, quân sự, thông tin - xuất bản, tổ chức, triết học, âm nhạc, điện ảnh, kiến trúc, kĩ thuật, múa, nhiếp ảnh, sân khấu, văn học, cơ học, công nghiệp, địa chất học, địa lí học, hóa học, nông nghiệp, sinh học, tin học, thể dục thể thao, toán học, y học, ban biên tập ngôn ngữ - kĩ thuật từ điển, ban biên tập tranh ảnh minh họa và bản đồ. Trong 4 tập của bộ từ điển này, có đến khoảng 2.700 mục từ về nhân danh (tên người, nhân vật); trong đó cũng tập hợp rất nhiều mục từ viết về các danh tướng thời đại nhà Trần như: Trần Anh Tông, Trần Bình Trọng, Trần Cảnh, Trần Khánh Dư, Trần Khát Chân, Trần Minh Tông, Trần Nghệ Tông, Trần Nguyên Đán, Trần Nguyên Hãn, Trần Nhân Tông, Trần Nhật Duật, Trần Quang Khải, Trần Quốc Toản v.v.

Cấu trúc vi mô của các mục từ biên soạn về nhân vật tương đối chi tiết, nhưng nội dung từng phần viết về các nhân vật lại được cô đọng, có thể thấy cấu trúc vi mô của loại mục từ này như sau:

- Tên thật và các tên khác: ngoài tên thật của nhân vật, còn có tên tự (còn gọi tên chữ) - tức “tên của trí thức thời trước, thường là do bản thân tự đặt và dùng từ Hán - Việt để đặt dựa vào nghĩa của tên

vốn có”; tên hiệu - “tên của trí thức thời phong kiến tự đặt thêm cho mình bên cạnh tên vốn có, thường là một từ ngữ Hán - Việt có nghĩa đẹp đẽ”; tên huý (còn gọi là tên thật) - tức tên do cha mẹ đặt từ nhỏ, theo tục lệ cũ đến khi trưởng thành sẽ đổi sang dùng tên khác, tên huý này người ta kiêng không nhắc tới nữa (khác với thời bây giờ đại đa số dùng tên thật, còn gọi là tên khai sinh); tên thụy - “tên thời trước được đặt sau khi chết căn cứ vào sự nghiệp lúc còn sống”;... [10, tr. 906-907]; danh pháp, bút danh, tên được ban/được phong,... Trong các mục từ khảo sát, phần tên gọi này ở các nhân vật được biên soạn với nhiều hình thái tên gọi khác nhau, điều này tùy thuộc vào tư liệu cũng như các thông tin được công nhận về nhân vật có hay không? hay cũng có thể cách lấy “tên nào” là do quy định, thể lệ, mục đích biên soạn của công trình,... Ví dụ, ở mục từ TRẦN NGHỆ TÔNG, tên thật của ông là Trần Phủ, không có tên tự và các tên khác; hay mục từ TRẦN TUNG có thông tin danh pháp: Tuệ Trung Thượng sĩ, mục từ TRẦN NHÂN TÔNG có tên huý: Trần Khâm,... mục từ TRẦN TIỀN THÀNH lại lấy tên vua ban làm đầu mục từ tên thật: Trần Thới Mẫn; nhiều nhân vật chỉ có tên thật, như TRẦN KHÁNH DU, TRẦN KHÁT CHÂN, v.v.

- Định danh về nhân vật: phụ thuộc vào định nghĩa mục từ, tức là nhân vật là ai. Ví dụ, ở mục từ TRƯỜNG HÁN SIÊU thì định danh ông là “danh sĩ đời Trần”, mục từ TRẦN NHÂN TÔNG định danh “là nhà Phật học, nhà thơ”, mục từ TRẦN THỨ ĐỘ là “nhà chính trị xuất sắc có công sáng lập và cùng cố vương triều Trần”,... Phần định danh này ở nhiều nhân vật cũng thể hiện rất súc tích công trạng nổi bật của họ, như mục từ TRẦN QUÝ KHOÁNG biên soạn “thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa chống Minh thời kì 1408 - 14”, hay như mục từ TRẦN NHẬT DUẬT định danh ông gắn với công trạng là “danh tướng đời Trần, anh hùng trận Hàm Tử nổi tiếng”, v.v.

- Dòng dõi: tức là nguồn gốc sinh thành của nhân vật, chỉ những người có cùng huyết thống hay những người thân khác,... Ví dụ: mục từ TRẦN QUANG KHẢI nói nguồn gốc xuất thân là con của Trần Thái Tông và em ruột của Trần Thánh Tông; mục từ TRẦN NGUYỄN ĐÁN cho biết ông “là chất Thái sư Trần Quang Khải, bố vợ Nguyễn Phi Khanh, ông ngoại Nguyễn Trãi”, v.v.

- Quê quán: nơi sinh của nhân vật (tên quê thời trước và tên quê hiện nay). Ví dụ: mục từ TRẦN QUỐC HOÀN: “quê ở Nam Đường (nay là xã Nam Trung), huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An”, v.v.

- Hành trạng và sự nghiệp: phần này viết về nhân vật trong quá trình học tập, hoạt động xã hội,... trải qua các chức vụ, tước vị hay sự nghiệp để lại những đóng góp gì, đây là nội dung chủ yếu của mục từ. Ví dụ: mục từ TRƯỜNG HÁN SIÊU viết như sau: “Hồi trẻ, học giỏi, thông minh. Là người chuộng cốt cách, môn khách của Trần Hưng Đạo. Năm 1308, làm việc ở Viện Hàn lâm, thăng đến hành khiển. Năm 1341, cùng Nguyễn Trung Ngạn soạn bộ sách “Hoàng triều đại điển” và bộ “Hình thư”, rồi giữ chức kinh lược sứ Lạng Giang, thăng tham tri chính sự. Năm 1353, làm kinh lược sứ Hoá Châu, chống sự xâm lấn của Champa. Sau khi chết, được truy phong Thái Bảo. Người đương thời rất khen ngợi văn chương của ông”.

- Tác phẩm để lại: là các công trình, sách,... mà nhân vật biên soạn hoặc tham gia biên soạn, sáng tác (có thể dưới dạng in, dạng bản khắc, dưới dạng bản thảo,...). Ví dụ, cũng ở mục từ TRƯỜNG HÁN SIÊU, nội dung này biên soạn: “Ông để lại bài phú “Bạch Đằng giang”, hai bài kí: “Dục Thúy sơn Linh Tế tháp kí”, “Khai Nghiêm tự bị kí” và 7 bài thơ chép trong “Hoàng Việt thi tuyển”.

- Khái quát nội dung các tác phẩm: viết một cách ngắn gọn, súc tích về nội dung của các tác phẩm (tiêu biểu); ví dụ, mục từ TRƯỜNG HÁN SIÊU, phân tích về tác phẩm của ông như sau: “Bài phú “Bạch Đằng giang” là bài thơ dài có tính chất anh hùng ca xưa nay truyền tụng. Trận thắng Bạch Đằng xảy ra 3 - 4 chục năm trước, nhưng Trương Hán Siêu là người chứng kiến, nên cảm xúc dạt dào, người khác không có. Lời cảm khái ở đoạn kết cũng sâu lắng”.

Nhìn chung, cấu trúc vi mô mục từ là khá chặt chẽ, ở mỗi mục từ lượng thông tin cung cấp không phải giống nhau và có thể không có đầy đủ tất cả các thành tố chi tiết như đã khảo sát ở trên, bởi do thực tế tư liệu về nhân vật là cơ sở để biên soạn có đầy đủ hay không những thông tin đó.

3.2. Cấu trúc vi mô các mục từ có liên quan đến danh tướng trong Từ điển chức quan Việt Nam

Công trình được Nhà xuất bản Thanh niên Hà Nội ấn hành năm 2002 với 1.735 mục từ, trong tổng số 840 trang in; nội dung các mục từ là định nghĩa về những chức quan và một số tên cơ quan, địa danh, thuật ngữ,... thời kì quân chủ bằng phiên âm Hán tự được sắp xếp từ vần A (A bảo) đến kết thúc ở vần X (Xung hô). Cấu trúc vi mô các mục từ được biên soạn như sau:

- Định nghĩa mục từ bằng Việt ngữ: các mục từ trong bộ từ điển này là hoàn toàn bằng Hán tự, bởi lẽ các chức quan trong quá khứ của nước ta gắn liền với nhà nước quân chủ, chủ yếu dùng Hán văn để đặt ra chức quan, nên khi biên soạn tác giả bộ từ điển đã định nghĩa mục từ bằng tiếng Việt cho người đọc ngày nay dễ hiểu. Ví dụ: mục từ TẢ GIÁN NGHỊ ĐẠI PHU, được định nghĩa là: “Chức quan thuộc Môn hạ sảnh”.

- Lược sử tên chức vị qua các triều đại phương Bắc: chức quan được đặt tên mô phỏng theo các triều đại phong kiến phương Bắc; ví dụ, mục từ THÁI BẢO: “Tây Chu đặt. Là phụ bật đại thần. Thời Xuân thu phé. Thời Hán Bình để lại đặt, đứng dưới Thái phó. Cùng với Thái sư và Thái phó gọi chung là Tam sư. Thời Tây Tấn, Thái phó, Thái bảo là thực quan trật Nhất phẩm, làm nhiệm vụ Tế tướng. Về sau nhiều đời đặt, phần lớn là gia hàm, không có thực chức. Chức quan của Bắc diện quân thời Liêu. Phần lớn đặt cho quan giữ chức ở các ty, ví như Thị vệ thái bảo, Bắc hộ vệ thái bảo, Nam hộ vệ thái bảo, Vương tử thái bảo”.

- Lược sử tên chức vị qua các triều đại ở Việt Nam: mô phỏng theo phương Bắc và áp dụng dưới các triều đại Việt Nam; ví dụ, vẫn ở mục từ THÁI BẢO: “Lý Công Uẩn làm vua, cho Đào Thạc Phụ làm Thái bảo (1010). Chức Thái bảo đời Lý giữ vệ binh (theo Sử học bị khảo). Thời Trần, tháng 2 năm Bính Thân (1236) Trần Thái Tông định quan hàm: Thái bảo được kiêm hàm Kiểm hiệu đặc tiến nghi đồng tam ty bình chương sự. Quan chế đời Hồng Đức: văn giai, võ giai đều có Thái Bảo và đều trật Chánh nhất phẩm. Quan chế đời Bảo Thái cũng theo vậy. Quan chế Gia Long năm thứ 3 (1804) trật nhất phẩm, Quan chế Minh Mệnh không có”.

- Phẩm hàm của các chức vị: chức quan thời xưa phần lớn đi theo phẩm tước và hàm tước; ví dụ: “Thái bảo được kiêm hàm Kiểm hiệu đặc tiến nghi đồng tam ty bình chương sự”.

- Nội dung công việc, cơ quan đảm trách của các chức vị: các chức vị được bổ nhiệm đều kèm theo những công việc phải làm và làm ở cơ quan nào; ví dụ, ở mục từ KINH LƯỢC SỨ, ghi rõ những công việc phải làm là: “...trưởng quan coi việc trị an và quân vụ lộ miền biên viễn” và nơi làm việc là: “...lấy An phủ sứ Đỗ Thiên Hư làm Kinh lược sứ” Nghệ An.

Bộ từ điển cũng cho biết cụ thể về nội dung của các mục từ: HOÀNG ĐẾ, KINH LƯỢC SỨ, TẢ GIÁN NGHỊ ĐẠI PHU, THÁI BẢO, THAM TRI CHÍNH SỰ, TƯỚNG QUỐC, ... và từ những nội dung tri thức này, có thể biết Trần Nghệ Tông làm hoàng đế là như thế nào; Trương Hán Siêu đảm nhận các chức vị như Tả gián nghị đại phu, Kinh lược sứ, Tham tri chính sự, Thái bảo là như thế nào, và rồi ông lập được những công trạng gì trong công việc chính sự và quân sự để đạt được những chức vị đó (trong các chức vị đó, Thái bảo là phẩm hàm rất cao trong quan chế xưa kia). Còn đối với mục từ Tướng quốc, do đời nhà Trần có đặt Tả, Hữu Tướng quốc và nhiều nhân vật danh tướng cũng đảm đương chức vị này và tương đương. Vì hầu hết tên chức quan xưa được viết bằng Hán tự, có phần xa cách và khó hiểu với bạn đọc ngày nay nên việc tham khảo nội dung các mục từ đó góp phần làm sáng tỏ thêm phần viết về nội dung của các mục từ liên quan tới các vị là danh tướng.

3.3. Cấu trúc vi mô mục từ tác gia là danh tướng trong Từ điển Văn học (bộ mới)

Từ điển văn học (bộ mới) do Nhà xuất bản Thế giới ấn hành năm 2004, gồm 2.184 trang in khổ lớn với 2.625 mục từ được xác lập trên 4 chủ đề chính là: tác gia, tác phẩm, tổ chức và hoạt động văn học, thuật ngữ văn học; phụ lục tra cứu các tác gia, tác phẩm của công trình được trình bày theo nhiều thứ tiếng khác nhau (tiếng Việt, chữ Latin, tiếng Nga, tiếng Hán). Riêng các mục từ về tác gia, chúng tôi khảo sát thấy khá nhiều mục từ về tác gia đồng thời là những danh tướng thời đại nhà Trần. Dưới đây, chúng tôi xin khảo sát một số mục từ để làm cơ sở tương hỗ so sánh với cũng hai mục từ đó ở *Từ điển bách khoa Việt Nam* như trên đã thấy [4].

Cấu trúc vi mô của các mục từ về các tác gia trong *Từ điển Văn học (bộ mới)* là:

- Tên đầu mục từ: là tên của nhân vật, ví dụ mục từ viết về Trần Nghệ Tông, tên đầu mục từ là TRẦN PHỦ.

- Ngày tháng năm sinh, năm mất, có tra cứu sang dương lịch: ngày tháng năm sinh năm mất của các nhân vật thời xưa thường được tính bằng âm lịch, các nhà biên soạn từ điển đã dựa vào đó để đổi sang dương lịch; ví dụ ở mục từ TRẦN PHỦ: “Sinh tháng chạp năm Tân Dậu (khoảng 19.XII.1321 16.1.1322) và mất ngày 15 tháng Chạp năm Giáp Tuất”.

- Tên quen thuộc: là tên thường gọi, có thể là tên thật hoặc không; ví dụ cũng mục từ TRẦN PHŨ: “Tên quen thuộc là Trần Nghệ Tông”, mục từ TRẦN TUNG: “Tên quen thuộc là Thượng sĩ Tuệ Trung”, mục từ TRẦN QUỐC TUẤN: “Tên quen thuộc là Trần Hưng Đạo hay Hưng Đạo Vương”,...; một số mục từ có tên tự như TRẦN QUANG KHẢI: “tự là Chiêu Minh”, tên hiệu như TRẦN NGUYỄN ĐÁN: “Hiệu Băng Hồ”,...

- Định danh tác gia: phụ thuộc vào định nghĩa mục từ, tức là nhân vật là ai. Ví dụ mục từ TRƯƠNG HÁN SIÊU định danh ông là “Nhà văn Việt Nam đời Trần”; so sánh với *Từ điển bách khoa Việt Nam* thì việc định danh ở đây có khác biệt, một bên nói chung, còn một bên là định nghĩa tên nhân vật theo một bộ từ điển chuyên ngành là chính, có một vài nhân vật có định danh kèm theo ngành/lĩnh vực khác như mục từ TRẦN QUỐC TUẤN có định danh ông là “nhà quân sự, chính trị kiệt xuất và nhà văn Việt Nam đời Trần”, hay mục từ TRẦN TUNG là “nhà Thiền học và nhà Thơ Việt Nam đời Trần”,...

- Dòng dõi: xuất thân của nhân vật. Ví dụ, mục từ TRẦN TUNG: “Là con An Sinh vương Trần Liễu và anh ruột nhà chiến lược thiên tài Trần Quốc Tuấn”; mục từ TRẦN QUỐC TUẤN được biên soạn: “Là con An Sinh Vương Trần Liễu và cháu gọi vua Trần Thái Tông bằng chú ruột”,...

- Quê quán: chỉ nơi sinh của nhân vật; ví dụ, mục từ TRƯƠNG HÁN SIÊU: “người làng Phúc Thành, huyện Yên Ninh, lộ Trường Yên, nay thuộc tỉnh Ninh Bình”.

- Hành trạng và sự nghiệp: quá trình học tập, hoạt động xã hội, trải qua các chức vụ, tước vị, sự nghiệp để lại những đóng góp gì,... của nhân vật, đây là nội dung chủ yếu của mục từ; ví dụ, mục từ TRƯƠNG HÁN SIÊU: “Thời trẻ, là môn khách của Trần Quốc Tuấn, có ít nhiều đóng góp trong hai cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông lần thứ hai và thứ ba. 1308, được vua Trần Anh Tông bổ chức Học sĩ Viện Hàn lâm. Ông liền viết bài Tựa trừ Hàn lâm trực học sĩ biểu (Biểu tạ ơn được phong chức Hàn lâm trực học sĩ) dâng lên vua. Rồi từ đây thăng dần đến chức Hành khiển. 1339, chuyển sang giữ chức Môn hạ hữu ty lang trung. Theo lệnh Triều đình, năm 1341, cùng soạn chung với Nguyễn Trung Ngạn* hai bộ sách Hình luật thư (Sách hình luật), và Hoàng triều đại điển (Điển lễ lớn của Triều đình) làm cơ sở pháp chế và lí luận cho công việc trị nước. 1342, bị hạ xuống chức Tả ty lang trung kiêm Kinh lược sứ Lạng Giang. Kế đó, thăng Tả gián nghị đại phu 1345, và Tham tri chính sự 1351. Hai năm sau, được giao cầm quân đi đánh phía Nam và trấn thủ châu Hóa. 1354, xin trở về triều, được chuẩn y, nhưng chưa kịp về thì mất. Sau khi mất, được Triều đình truy tặng chức Thái bảo và được thờ ở Văn miếu. Làm quan bị thăng giáng nhiều phen nhưng vẫn được các vua Trần kính trọng, không gọi tên mà gọi tôn là “thầy”. Nhiều thế hệ Nho sĩ các đời sau đều nhất trí xem Trương Hán Siêu là một trong những trí thức Nho sĩ chân chính, tiêu biểu của giai đoạn thịnh Trần”.

- Các tác phẩm tiêu biểu: các tác phẩm do tác giả biên soạn, sáng tác và lược khảo về nội dung các tác phẩm; ví dụ mục từ TRƯƠNG HÁN SIÊU: “Tác phẩm còn lại không nhiều: hai bài kí, một bài phú và bảy bài thơ. Bạch Đằng giang phú là tác phẩm nổi tiếng nhất của ông, có lẽ cũng là bài phú nổi tiếng nhất trong số 13 bài phú chữ Hán hiện còn biết ở đời Trần. Bài phú gồm 35 liên và 2 bài ca. Từ những địa danh quen thuộc đầy thi hứng trong sử sách cổ Trung Quốc, tác giả dẫn người đọc đi thẳng đến khung cảnh hùng vĩ của sông Bạch Đằng, một cái tên còn mới mẻ đối với điển cố văn chương lúc ấy. Nhưng ông đã kịp thời đem nguồn cảm hứng đến, để người đọc tự nhập thân vào cảnh: đó là những trang lịch sử sáng chói gắn liền với cái địa danh tưởng như còn xa lạ kia. Và cũng làm sống dậy từng chiến công chống ngoại xâm cụ thể đã diễn ra kế tiếp trên sông Bạch Đằng: “Đây là chiến địa buổi Trưng Hưng nhị thánh bắt Ô Mã | Cũng là bãi đất xưa, thuở trước Ngô chúa phá Hoảng Thao”. Trương Hán Siêu dụng hẩn lại cả không khí bừng bừng của chiến trận: “Đương khi ấy | Thuyền tàu muôn đội | Tinh kì pháp phới | Hùng hồ sáu quân / giáo gươm sáng chói | Trận đánh được thua chưa phân | Chiến lũy Bắc Nam chống đối. Anh nhật nguyệt chù phải mờ | Bầu trời đất chừ sắp đổi” (Đông Châu* dịch). Bài văn kết thúc khi cảm xúc trữ tình đạt đến độ cao nhất, và lúc bấy giờ cái tên Bạch Đằng không còn gì xa lạ nữa, trái lại, đã trở thành một tên gọi đầy ý nghĩa, một hình tượng nghệ thuật mẫu mực, tượng trưng cho truyền thống chói lọi chiến thắng kẻ thù. Hai bài ca thay lời kết luận có giá trị khái quát một chân lí phổ biến: tên tuổi của các anh hùng dân tộc xưa nay vẫn sống mãi với non sông đất nước, và sức mạnh của non sông đất nước không phải là ở địa thế hiểm yếu mà trước hết ở con người. Hai bài văn xuôi chữ Hán Dục Thúy sơn Linh Tế tháp kí (Bài kí tháp Linh Tế núi Dục Thúy) và Khai Nghiêm tự bị kí (Văn bia chùa Khai Nghiêm) tuy mang danh nghĩa viết giúp nhà chùa nhân dịp các chùa tháp

Linh Tế và Khai Nghiêm được trùng tu, nhưng trên thực tế là những bài hồi kí sinh động. Xoay quanh những kỷ niệm về ngôi chùa ở quê hương, hoặc một số suy nghĩ riêng tư về đời, về đạo, tác giả hé mở trước người đọc cái “tôi” suy tưởng và trữ tình của chính mình. Về tư tưởng, cả hai bài đều có tính chất nhị nguyên: vừa phê phán Phật giáo lại vừa tán thành việc xây dựng chùa chiền, mở mang cảnh đẹp, nhất là tỏ ý cảm thán trước những cảnh tượng hung vong, biến diệt diễn ra như chớp mắt. Cũng một cảm hứng gần như thế, bảy bài thơ chữ Hán còn lại mang màu sắc nhớ về quá khứ, nhớ những phong cảnh tươi đẹp và đậm âm của quê nhà.

Nét chủ đạo của ngòi bút Trương Hán Siêu là tinh thần yêu quý non sông đất nước, tự hào đối với truyền thống lịch sử vẻ vang, oanh liệt. Bên cạnh đấy, cũng bàng bạc trong thơ văn ông một sắc thái trữ tình hoài cổ, tuy không mấy nặng nề. Nghệ thuật ngôn ngữ của Trương Hán Siêu tinh tế, lắng đọng man mác ở trong thơ, gân cốt chắc nịch trong phú, uyển chuyển mềm mại trong kí; nhưng ở cả ba thể loại đó lại đều có chung một đặc điểm: sự vận dụng hình dung từ rất đắt, khiến cho sắc thái trữ tình nổi lên đậm nét, mặt khác không bao giờ rơi vào thái quá”.

- Tên người biên soạn: là tên tác giả biên soạn mục từ (đây là quy cách biên soạn của bách khoa toàn thư, tuy nhiên Từ điển văn học bộ mới lại có tên tác giả ở cuối mục từ, điều ít thấy ở quy cách biên soạn từ điển); ví dụ dưới tên mục từ TRẦN PHŨ có ghi tên người biên soạn là TRẦN THỊ BĂNG THANH.

Như vậy, có thể thấy sự khác nhau về nội dung của mục từ ở hai bộ từ điển: Thứ nhất, nội dung biên soạn của *Từ điển bách khoa Việt Nam* sơ giản hơn; Thứ hai, cấu trúc vi mô của *Từ điển văn học (bộ mới)* là chi tiết và phong phú hơn; Thứ ba, cuối mỗi mục từ của *Từ điển văn học (bộ mới)* có ghi tên người biên soạn (gần giống với việc biên soạn bách khoa toàn thư chuyên ngành); Thứ tư, mục đích biên soạn của hai bộ từ điển là khác nhau, ở *Từ điển văn học (bộ mới)* là biên soạn theo chuyên ngành, cụ thể ở đây là ngành văn học, các nhân vật được nói đến nổi bật hơn cả là trên tư cách một tác gia văn học; Thứ năm, trong khi *Từ điển văn học (bộ mới)* lấy tên thật làm tên đầu mục từ, còn tên quen thuộc là tên đầu mục từ dùng để chuyên chú thì *Từ điển bách khoa Việt Nam* lấy tên quen thuộc làm tên đầu mục từ và không có chuyên chú ở tên thật, đây cũng là điểm hết sức cần lưu ý khi lập bảng mục từ cho bộ *Từ điển bách khoa về các danh tướng triều Trần*. Một điểm nữa cũng cần lưu ý là bộ sách đã trở lại với thể loại từ điển bách khoa nên phương pháp và thể lệ biên soạn cũng cần phải khác với khi biên soạn về tên các nhân vật đó ở trong một bộ từ điển chuyên ngành.

4. Đề xuất cấu trúc vi mô về mục từ danh tướng trong *Từ điển bách khoa về các danh tướng triều Trần*

Việc khảo sát một số mục từ nhân vật, tác gia trong ba công trình từ điển trên đây và các khái niệm liên quan đến các tác giả đó ở *Từ điển chức quan Việt Nam* giúp quá trình thực hiện có thể xác lập một cách đầy đủ và chính xác cấu trúc vi mô của mục từ về tên riêng; nhưng ở đây tên riêng được xác định rõ ràng là các danh tướng; do vậy, bài viết cũng làm rõ được các cấp độ của nội hàm khái niệm danh tướng, từ đó đề ra tiêu chí được sử dụng để lựa chọn mục từ là các tên riêng cho bộ từ điển. Tuy nhiên, khi đi vào từng mục từ cụ thể về hai nhân vật trong bài viết ở hai bộ từ điển đều cung cấp thông tin rất sơ lược về vai trò danh tướng của hai nhân vật đó; đối với nhân vật Trương Hán Siêu thì *Từ điển bách khoa Việt Nam* chỉ nhắc đến một dòng là: “Năm 1353, làm Kinh lược sứ Hóa Châu, chống sự xâm lấn của Chămpa” và ông là tác giả của *Bạch Đằng giang phú* nổi tiếng ca ngợi chiến thắng chống xâm lược Nguyên Mông của quân dân nhà Trần. *Từ điển văn học (bộ mới)* cũng vậy, tuy có phân tích khá kĩ về *Bạch Đằng giang phú* nhưng về công trạng trên phương diện quân sự cũng chỉ nhắc đến là: “được giao cầm quân đi đánh phía Nam và trấn thủ châu Hóa”. Đối với nhân vật Trần Nghệ Tông, *Từ điển bách khoa Việt Nam* nhắc đến: “có công đánh dẹp Dương Nhật Lễ, khôi phục nhà Trần”; ở *Từ điển văn học (bộ mới)* có đề cập tới sự kiện này ở mức nói rõ hơn là ông phối hợp với ai để dẹp loạn Dương Nhật Lễ. Dựa vào năm sinh, năm mất của hai nhân vật, ta đều thấy các vị sinh vào cuối triều đại nhà Trần, khi các cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông đã trở thành quá vãng vàng son của triều đại, nếu là danh tướng thì các nhân vật ở vào giai đoạn cuối triều đại này có thể sẽ còn những công trạng khác ở những trận chiến khác nữa. Đây chính là điểm mới để các nhà biên soạn công trình tìm kiếm thêm nguồn tư liệu, làm rõ thêm vai trò và chiến tích của các danh tướng trên mặt trận quân sự, đúng với chủ đề mà từ điển đặt ra. Mặt khác, có lẽ trong bộ từ điển cũng cần thêm những

mục từ nói về chức quan của các danh tướng để bạn đọc thời nay có thể tiếp cận, hiểu rõ, hiểu sâu hơn nội dung của các mục từ, và biết được nhiều thông tin hữu ích.

Từ việc khảo sát thực tế các bộ sách đã dẫn như trên, có thể xây dựng cấu trúc vi mô của các mục từ viết về danh tướng của triều đại nhà Trần như sau:

- Tên đầu mục từ: tên thường gọi của danh tướng, tên chuyên chú (được xác lập và thống nhất biên soạn trong bảng mục từ);
- Năm sinh năm mất theo dương lịch (nếu khuyết thì để dấu chấm hỏi “?” ở giữa là dấu gạch ngang);
- Tên khác: tên tự, tên hiệu, bút danh, nghệ danh,... (nếu có);
- Định danh: lấy chức vị và danh xưng cao nhất;
- Quê quán;
- Nguồn gốc, dòng dõi,...
- Hành trạng và sự nghiệp: nhấn mạnh đến các trận chiến mà nhân vật đã lập nên công trạng trong lịch sử; nhấn mạnh đến khí tiết và khí phách của nhân vật khi đối đầu với ngoại bang xâm lược,...
- Các tác phẩm để lại, giới thiệu về nội dung các tác phẩm đó (nhấn mạnh đến các tác phẩm có nói về chủ đề binh pháp, quân sự,...);
- Di tích, di vật lịch sử,... có liên quan đến nhân vật (nếu có);
- Phong tặng qua các đời (nếu có);
- Tên đường phố, trường học, các công trình khác được đặt tên theo nhân vật (nếu có).

5. Kết luận

Qua khảo sát, phân tích cấu trúc vi mô của các mục từ về nhân vật, bài viết đã chỉ ra điểm tương đồng cũng như khác biệt trong cấu trúc mục từ của ba bộ từ điển. Cấu trúc ở đây tức là cách thức tổ chức các thông tin bên trong nội dung mục từ, phạm vi tri thức mà nó truyền tải, cũng như phương pháp biên soạn. Sự khác biệt là bắt nguồn từ mục đích, tiêu chí, đối tượng phục vụ và tính chất chuyên ngành của từng công trình là khác nhau: *Từ điển bách khoa Việt Nam* các mục từ nhân vật cung cấp kiến thức tổng quát, nhưng cô đúc và ngắn gọn; *Từ điển văn học (bộ mới)* lại có thông tin chi tiết và phong phú hơn, đặc biệt nhấn mạnh ở phương diện tác gia và tác phẩm; *Từ điển chức quan Việt Nam* là một chức năng khác, có thể phụ trợ cho các giải thích một số định nghĩa, khái niệm ở công trình khác bằng việc giải thích hệ thống chức tước, phẩm hàm gắn với thiết chế chính trị - xã hội thời phong kiến.

Từ những khảo sát, so sánh trên có thể gợi ý một cấu trúc vi mô đối với các mục từ viết về danh tướng trong *Từ điển bách khoa về các danh tướng triều Trần* cần đảm bảo tính hệ thống, thống nhất và sự liên kết thông tin cao, nhằm thể hiện rõ thân thế, hành trạng và những đóng góp của nhân vật, đặc biệt là ở lĩnh vực quân sự, chính trị, sau là các lĩnh vực khác có liên quan như văn hoá, văn học,... của từng nhân vật. Những gợi ý này không chỉ có giá trị định hướng cho việc chuẩn hoá cấu trúc, thông tin cung cấp hay hàm ý hiện đại hoá phương pháp biên soạn của một từ điển bách khoa chuyên ngành, mà còn góp phần khẳng định vai trò của cấu trúc vi mô như “xương sống tri thức” của mỗi mục từ, bảo đảm tính đầy đủ, chính xác và khoa học trong quá trình biên soạn mục từ từ điển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh. *Từ điển Hán Việt*. NXB Khoa học xã hội, Thành phố Hồ Chí Minh. 2004.
2. Thiều Chửu. *Hán Việt tự điển*. NXB Thành phố Hồ Chí Minh. 1990.
3. *Hán ngữ Đại từ điển*. NXB Đại từ điển bách khoa Trung Quốc, quyển 3, tập thượng.
4. Đỗ Đức Hiền, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu, Trần Hữu Tá (Chủ biên). *Từ điển văn học (bộ mới)*. NXB Thế giới, Hà Nội. 2004.
5. Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam. *Từ điển bách khoa Việt Nam (4 tập)*. NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội. 1995 - 2005.
6. Nguyễn Thuý Hồng. *Cấu trúc vi mô của các mục từ chùa ở Hà Nội trong bộ sách Hà Nội danh thắng và di tích*. Tạp chí Ngôn ngữ, số 9. 2024.
7. Đỗ Văn Ninh. *Từ điển chức quan Việt Nam*. NXB Thanh niên, Hà Nội. 2002.
8. Lý Toàn Thắng. *Một số vấn đề cơ bản về lý luận và phương pháp luận biên soạn các loại từ điển ở Việt Nam*. Đề tài cấp Bộ, Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam, Hà Nội. 2009 - 2010.
9. Hà Học Trạc. *Lịch sử - Lý luận và Thực tiễn biên soạn bách khoa toàn thư*. NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội. 2004.
10. Viện Ngôn ngữ học. *Từ điển tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng. 2004.